

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Rạng Đông

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh C V, sinh năm 1994

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố 6, phường A T, thành phố P Q, tỉnh K G.

Chỗ ở: Ấp T B, xã T Q, huyện G Q, tỉnh K G.

- Bị đơn: Ông Võ V T, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố 6, phường A T, thành phố P Q, tỉnh K G.

(Bà Huỳnh C V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Võ V T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Huỳnh C V trình bày:

Vào năm 2016 bà Huỳnh C V và ông Võ V T được sự mai mối, giới thiệu nên cả hai về chung sống với nhau như vợ chồng. Sau đó, được gia đình hai bên

tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang) vào ngày 20/9/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cùng với gia đình bên chồng.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Võ V L, sinh ngày 18/10/2017.

Mặc dù không có tình cảm với nhau trước đó nhưng sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì ông T thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè ăn nhậu và có sử dụng ma túy (năm 2018 ông T đã tự đi cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy Tấn Hưng). Bà V và gia đình hai bên đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi tính nết, ông T vẫn thường xuyên bỏ nhà đi chơi không chăm lo gì cho gia đình. Hầu hết tất cả các chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do mẹ ông T (mẹ chồng của bàV) chu cấp. Đến năm 2022 thì ông T cùng với bàV về huyện Châu Thành sinh sống, nhưng ông T vẫn không chí thú làm ăn mà mượn tiền lãi cao chơi đánh bạc, không có tiền trả nợ phải xin tiền của mẹ ông T để trả. BàV đã tha thứ cho ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không chịu chí thú làm ăn nên từ đó bàV dọn về nhà bàV sinh sống. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn hạnh phúc, hôn nhân thật sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau và không thể hàn gắn tình cảm lại được nữa, nên bà yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh C V yêu cầu được ly hôn với ôngVõ V T.

- Về con chung: BàV có nguyện vọng nuôi con chung tên Võ V L, sinh ngày 18/10/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về T sản chung: Vợ chồng không có T sản chung, bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: BàV cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ôngVõ V T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ tất cả các thủ tục tố tụng để triệu tập, thông báo cho ông T biết là bà Huỳnh C V đã khởi kiện xin ly hôn với ông, để ông đến tòa án tham gia giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh C V.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn từ khi Tòa án thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ V T nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh C V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng xét xử cho nguyên đơn bà Huỳnh C V được ly hôn với ông Võ V T. Về con chung: Bà Huỳnh C V có nguyện vọng nuôi con chung tên Võ V L, sinh ngày 18/10/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, xét yêu cầu của bà V là có cơ sở, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà V được quyền nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), về nghĩa vụ cấp dưỡng bà V không yêu cầu đề nghị xem xét. Về T sản chung: Bà V xác nhận không có T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về nợ chung: Bà V cam kết vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh C V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn ông Võ V T. Căn cứ khoản 1

Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

Bị đơn ông Võ V T có địa chỉ nơi cư trú tại địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh C V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Võ V T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh C V và ông Võ V T tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng từ năm 2016 cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang vào ngày ngày 20/9/2017, nên đây được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang từ năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì ông T thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không chí thú làm ăn chăm lo cho gia đình và thường xuyên vắng nhà. Bà V và cả gia đình hai bên đều đã khuyên ngăn ông T rất nhiều lần nhưng ông T không nghe bà V đã về quê sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay.

Nay bà V xét thấy không còn tình cảm với ông T không muốn quay về đoàn tụ hay hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T, mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để cả hai được tự do, có cuộc sống riêng của mỗi người.

Đối với bị đơn ông Võ V T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để Tòa án ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà V nữa.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh C V và ông Võ V T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, ông T không chăm lo cho vợ, con, không có sự quan tâm, yêu thương chăm sóc và giúp đỡ bà V trong cuộc sống, điều đó cho thấy vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng đã chính thức sống ly thân nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay. Bản thân bà V vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn

với ông T, không muốn hàn gắn tình cảm hay đoàn tụ vợ chồng. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bàV đối với ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bàV, xử cho bà Huỳnh C VV được ly hôn với ôngVõ V T.

[2.2].Về con chung: Theo trình bày của bàV thì vợ chồng bà chỉ có một người con chung tên là Võ V L, sinh ngày 18/10/2017, từ nhỏ cháu L đã sống cùng với vợ chồng bà, bàV là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa rước con đi học, nên sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, ngoài ra bàV cũng có thu thập ổn định nên bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Xét thấy, ông T và bàV đã sống ly thân từ giữa năm 2022, ông thường xuyên vắng nhà không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và quan tâm đến cuộc sống của cháu L và không có ý kiến về việc giành quyền nuôi con chung với bàV. Do đó, đối với yêu cầu của bàV được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bàV.

[2.3].Về T sản chung: BàV xác nhận vợ chồng không có T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4].Về nợ chung: BàV xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ chung vợ chồng, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc về việc giải quyết vụ án là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh C V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh C V về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với bị đơn ông Võ V T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh C V được ly hôn với ông Võ V T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ V L, sinh ngày 18/10/2017, cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của các con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về T sản chung: Bà V xác nhận vợ chồng không có T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà V xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh C V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000820 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Bà V không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh C V, bị đơn ông Võ V T vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- Chi cục THADS TP. Phú Quốc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND P. An Thới.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hồng Tâm